TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 25/6/2024.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt

2. Ông Trần Huy Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiêu Thanh Nhi -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Ngọc H; Sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Hồng Thị Diễm T; Sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do ông Phạm Ngọc H lập ngày 22/02/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn ông Phạm Ngọc H trình bày như sau: Ông và bà Hồng Thị Diễm T kết hôn với nhau vào năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 04/4/2022. Nhưng sau khi đăng ký kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi nhau và bà T bỏ về nhà cha mẹ ở ấp T sống cho đến nay.

Trong thời gian chung sống ông và bà Hồng Thị Diễm T không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Lý Thanh Quốc V không có tài sản chung và nợ chung.

Nay ông Phạm Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Hồng Thị Diễm T; Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Hồng Thị Diễm T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Hồng Thị Diễm T nhưng bà T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc H và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/02/2024, ông Phạm Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Hồng Thị Diễm T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Hồng Thị Diễm T vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Ngọc H:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc H và bà Hồng Thị Diễm T tự nguyện kết hôn với nhau có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 04/4/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Ngọc H và bà Hồng Thị Diễm T là hợp pháp. Nhưng

sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường hay cãi nhau và bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông Phạm Ngọc H làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng ông H, bà T đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía bà T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Phạm Ngọc H và bà Hồng Thị Diễm T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc ông Phạm Ngọc H xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Trong thời gian sống chung ông Phạm Ngọc H và bà Hồng Thị Diễm T không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phạm Ngọc H chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Bà Hồng Thị Diễm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc H được ly hôn với bà Hồng Thị Diễm T.

- Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc H chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002396, ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, ông Phạm Ngọc H đã thực hiện xong. Bà Hồng Thị Diễm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Trung An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lý Công Minh